

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày: 18-4-2025

V/v: “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán
trong hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Thanh Dung.**

2. Ông **Nguyễn Văn Thụ.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Kiều NCHh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Phụng** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Núi Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2024/TLST-DS ngày 14/10/2024 về “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 02 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-DS ngày 07/3/2025, thông báo hoãn phiên tòa ngày 21/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty H, địa chỉ trụ sở: Xã T, huyện N, tỉnh Q. Đại diện theo pháp luật: Ông LHQ, chức danh: Tổng Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà TTTH, sinh năm: 1998, địa chỉ liên hệ: Công ty H, xã T, huyện N, tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông NCH, sinh năm: 1980, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Q. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn bà TTTH trình bày: Công ty H và ông NCH có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm số 63/HĐMB-MT-2019 ngày 20/5/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã cung cấp đầy đủ số lượng và chất lượng hàng hoá như hai bên thoả thuận. Ngày 31/03/2020 và 31/12/2023 hai bên có tiến hành đối chiếu công nợ, xác nhận ông NCH nợ Công ty H số tiền 346.273.600 đồng. Tuy nhiên, từ đó đến nay,

ông NCH không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn mặc dù công ty đã nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở. Tại giấy nhận nợ và cam kết thanh toán ngày 21/12/2022 và 25/7/2023, ông NCH cam kết thanh toán số nợ trong năm 2023, nhưng đến nay ông NCH vẫn không thực hiện cam kết của mình. Ngày 04/9/2023, nguyên đơn có văn bản yêu cầu ông NCH thanh toán dứt điểm công nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản. Ngày 11/9/2023 ông NCH nhận được văn bản nhưng cho đến nay vẫn không thanh toán công nợ. Do vậy Công ty H làm đơn khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông NCH phải trả cho công ty tiền hàng còn nợ là 346.273.600 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 27/9/2023 đến thời điểm khởi kiện là 25.039.043 đồng với lãi suất 10%/ năm và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc. Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 346.273.600 đồng, về nợ lãi, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về thời gian tính lãi, yêu cầu tính từ ngày 01/12/2023 đến thời điểm xét xử ngày 18/4/2025, lãi suất 10%/ năm trên số nợ gốc.

Bị đơn ông NCH trình bày tại hồ sơ: Ông NCH và Công ty H có giao kết hợp đồng mua bán số 63/HĐMB-MT-2019 ngày 20/5/2019. Ông NCH thống nhất có nợ Công ty H nợ gốc 346.273.600 đồng. Ông không thống nhất với tiền lãi và không đồng ý thanh toán lãi như nguyên đơn yêu cầu do Công ty H đã cam kết không tính lãi đối với ông NCH.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải khi Toà triệu tập là vi phạm pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc ông NCH phải thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc 346.273.600 đồng và lãi 10%/ năm trên số nợ gốc từ ngày 01/12/2023 đến ngày 18/4/2025. Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn NCH phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm số 63/HĐMB-MT-2019 ngày 20/5/2019 được giao kết giữa Công ty H– bên A và ông NCH- bên B, xác định bên A cung cấp cho bên B thức ăn nuôi tôm tiêu thụ tại khu vực thôn An Thới, xã Hải Hoà, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Theo thoả thuận tại Điều 8 của Hợp đồng, nơi giải quyết tranh chấp là Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam hoặc Toà án do bên A lựa chọn. Nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện và các chứng cứ theo quy định đến Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, khởi kiện ông NCH yêu cầu trả nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và lãi, ông NCH không có đăng ký kinh doanh; về bản chất đây là hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều

430 Bộ luật dân sự 2015, do vậy xác định đây là tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về tố tụng: Tại phiên toà ông NCH vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, thông báo hoãn phiên toà nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Các đương sự thừa nhận ông NCH và Công ty H có giao kết hợp đồng mua bán số 63/HĐMB-MT-2019 ngày 20/5/2019. Ông hồng nhất có nợ Công ty H nợ gốc 346.273.600 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[3.2] Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm giữa ông NCH và Công ty H được giao kết theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng ông NCH thừa nhận có phát sinh công nợ với Công ty H. Việc ông NCH không trả nợ cho nguyên đơn là đã vi phạm thoả thuận của hai bên tại Điều 4 của hợp đồng mua bán số 63/HĐMB-MT-2019 ngày 20/5/2019 cũng như quy định tại Điều 440 bộ luật dân sự 2015. Do vậy, việc Công ty H yêu cầu ông NCH thanh toán số nợ gốc là 346.273.600 đồng là có căn cứ.

[3.3] Xét yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 01/12/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi suất 10%/năm thấy rằng: Tại giấy nhận nợ và cam kết thanh toán ghi ngày 25/7/2023, ông NCH thừa nhận có nợ và cam kết thanh toán số nợ còn lại đến 30/11/2023. Như vậy, sau ngày 30/11/2023 ông NCH không trả nợ như đã cam kết thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả 346.273.600 đồng, tính từ ngày 01/12/2024 đến thời điểm xét xử là ngày 18/4/2025 (01 năm 06 tháng 17 ngày), lãi suất 10%/ năm tương ứng với số tiền lãi $346.273.600 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 16 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 47.804.993 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 3 Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp.

[3.4] Tại hồ sơ, ông NCH cho rằng ông không thống nhất và không đồng ý trả lãi như nguyên đơn yêu cầu do nguyên đơn đã cam kết không tính lãi đối với ông. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn không đồng ý với trình bày của ông NCH, ông NCH cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nguyên đơn không tính lãi đối với khoản công nợ của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét lời trình bày của ông NCH.

[3.5] Như vậy, căn cứ vào các nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn về việc yêu cầu ông NCH trả nợ gốc 346.273.600 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 18/4/2025, lãi suất 10%/ năm, tương ứng với số tiền lãi 47.804.993 đồng, tổng cộng số tiền cần buộc ông NCH phải trả cho nguyên đơn 394.078.593 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông NCH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H về việc “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán tài sản*” với ông NCH.

Buộc ông NCH có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H số nợ gốc 346.273.600 đồng và lãi chậm trả 47.804.993 đồng. Tổng cộng số tiền cần buộc ông NCH phải trả cho Công ty H 394.078.593 đồng.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm ông NCH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 19.703.000 đồng (mười chín triệu bảy trăm lẻ ba nghìn đồng).

Hoàn lại cho Công ty H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.282.000 đồng (chín triệu hai trăm tám mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu 0006804 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- THA huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Thuý